

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2021/DS-PT

Ngày: 29-12-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Ông Vũ Văn Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2021/TLPT-DS ngày 17/11/2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2021/QĐ-PT ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S - Địa chỉ: Đường N, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Đình V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S – Chi nhánh Đắk Lắk - Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc D, sinh năm 1987 – Chức vụ: Phó phòng giao dịch B – Chi nhánh Đắk Lắk - Địa chỉ: Đường L, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1958 (có mặt) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962 (vắng mặt) – Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lưu Văn T1, anh Lưu Văn T2 và anh Lưu Văn H – Cùng địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Đều vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lưu Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Ngọc D trình bày:*

Ngày 10/03/2020 Ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N có ký Hợp đồng cấp tín dụng số LD2006600111 với PGD B - Ngân hàng S - Chi nhánh Đắk Lắk, vay số tiền là: 230.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/03/2021. Khoản vay của ông T, bà N đã quá hạn từ ngày 12/03/2021.

Để đảm bảo cho các khoản vay nói trên ông T, bà N đã ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 72/17/TC/BMT ngày 27/02/2017 với PGD B - Ngân hàng S – Chi nhánh Đắk Lắk và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng Thế chấp Quyền sử dụng đất. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999; thửa đất số 144, 146, tờ bản đồ số 32, diện tích 7.460m². Trong đó có 400 m² đất ở và 7.060 m² đất nông nghiệp.

Ông T, bà N đã trả cho Ngân hàng 20.000.000đ tiền gốc vào ngày 28/6/2021. Tính đến ngày 29/9/2021 ông T, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 210.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 23.921.614 đồng, lãi quá hạn là 6.836.646 đồng.

Ngân hàng đã làm việc và yêu cầu ông T, bà N trả nợ nhiều lần nhưng không được. Nay đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T, bà N trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2021 là: 240.758.260 đồng và tiền lãi theo hợp đồng kể từ ngày 30/9/2021 cho đến khi trả nợ xong.

Trường hợp ông T, bà N không trả nợ được cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Lưu Văn T trình bày:*

Ông T và vợ là Nguyễn Thị N có vay của Ngân hàng S - Phòng giao dịch B số tiền 230.000.000đ. Theo hợp đồng tín dụng số LD2006600111 ngày 10/3/2020. Mục đích vay để sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay là 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 11/03/2021, lãi suất 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/03/2021.

Khi vay gia đình ông T có dùng tài sản của mình để thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp tài sản số 72/17/TC/BMT ngày 27/02/2017,

Thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 01/72/17/TC/NMT ngày 28/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 02/72/17/TC/BMT ngày 10/3/2020. Tài sản thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999; thửa đất số 144,146, tờ bản đồ số 32, diện tích 7.460m². Trong đó có 400 m² đất ở và 7.060 m² đất nông nghiệp.

Chữ ký trong hợp đồng tín dụng LD2006600111 ngày 10/3/2020 và hợp đồng thế chấp tài sản số 72/17/TC/BMT ngày 27/02/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 01/72/17/TC/NMT ngày 28/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 02/72/17/TC/BMT ngày 10/3/2020 là của ông T và vợ ông T. Gia đình ông T đã trả cho ngân hàng 20.000.000đồng tiền gốc vào ngày 28/6/2021.

Hiện nay, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn nông nghiệp không đạt hiệu quả nên đến hạn trả nợ thì gia đình ông T không trả nợ được cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc gia đình ông T trả nợ tổng số tiền 240.758.260 đồng thì gia đình ông T chấp nhận trả nợ, tuy nhiên đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần như sau: Gia đình tôi xin trả toàn bộ tiền lãi cho Ngân hàng, còn số tiền gốc là 210.000.000đồng gia đình tôi sẽ trả hàng năm là 50.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị N và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Lưu Văn T1, anh Lưu Văn T2 và anh Lưu Văn H, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Nguyễn Thị N, anh Lưu Văn T1, anh Lưu Văn T2 và anh Lưu Văn H không lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 158; Điều 161; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 295, Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

Buộc ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền 240.758.260 đồng (trong đó, nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 30.758.260 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi

suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N trả nợ xong, thì Ngân hàng S có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà N: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999.

Trường hợp ông T, bà N không trả được nợ cho Ngân hàng S thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 72/17/TC/BMT ngày 27/02/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 01/72/17/TC/NMT ngày 28/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 02/72/17/TC/BMT ngày 10/3/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999; thửa đất số 144,146, tờ bản đồ số 32, diện tích 7.460m². Trong đó có 400 m² đất ở và 7.060 m² đất nông nghiệp.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/10/2021, bị đơn ông Lưu Văn T kháng cáo đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên ông Lưu Văn T xin được trả dần nợ gốc và tiền lãi hàng năm cho Ngân hàng trong thời hiệu thi hành án 05 năm, bất cứ khi nào ông T có tiền sẽ trả cả gốc và lãi, không yêu cầu trung gian định giá và thẩm định tài sản trên đất.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn T là không có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn T – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lưu Văn T đã kháng cáo trong thời hạn luật định. Ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 10/03/2020 ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N có ký Hợp đồng tín dụng số LD2006600111 với Ngân hàng S để vay số tiền là: 230.000.000 đồng, mục đích vay sản xuất nông nghiệp, lãi suất vay 11%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 11/03/2021. Quá trình vay ông T, bà N trả cho Ngân hàng 20.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay ông T, bà N còn nợ Ngân hàng S – Chi nhánh Đắk Lắk số tiền gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 30.758.260 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T, bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc 210.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 30.758.260 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/9/2021 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp.

[2.2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn T, hội đồng xét xử thấy rằng: Bị đơn ông T, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên. Bị đơn đề nghị gia hạn thời gian trả nợ nhưng không được đại diện của nguyên đơn đồng ý nên nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo trình tự thủ tục theo quy định của thi hành án dân sự là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn T không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Lưu Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông T là phù hợp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lưu Văn T.
- Giữ nguyên Bản án bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng Điều 295, Điều 299; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

Buộc ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền 240.758.260 đồng (trong đó, nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 29/9/2021 là 30.758.260 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N trả nợ xong, thì Ngân hàng S có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà N: 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999.

Trường hợp ông T, bà N không trả được nợ cho Ngân hàng S thì xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 72/17/TC/BMT ngày 27/02/2017, Thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 01/72/17/TC/NMT ngày 28/02/2018 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung HĐTC số 02/72/17/TC/BMT ngày 10/3/2020 để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 852559, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 205949 do UBND Huyện Krông Ana cấp cho Hộ ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N ngày 05/3/1999; thửa đất số 144,146, tờ bản đồ số 32, diện tích 7.460m². Trong đó có 400 m² đất ở và 7.060 m² đất nông nghiệp.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Văn T và bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.037.913 đồng. Do ông Lưu Văn T là người cao tuổi do đó miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông Lưu Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.018.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng S tiền tạm ứng án phí là 6.155.000 đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0006876 ngày 27 tháng 05 năm 2021.

- Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lưu Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H Krông Ana;
- Chi cục THADS H. K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Thông Kbuôr